

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **50/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 24/11/2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Ưông Thị Hoa và bà Đỗ Thị Sỹ Long**
- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Ngọc Lan – Thư ký Tòa án**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên Tòa: ông **Vũ Anh Tuấn – Kiểm sát viên**

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 538/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về: “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh H, sinh năm 1973;

HKTT và nơi ở: Số 9 ven hồ N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Lê Văn H (tức Lê Văn D), sinh năm 1971;

HKTT: Thôn 4 N, xã N, Huyện L, tỉnh Hà Nam

Nơi ở: Số 9 ven hồ N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

(Chị H có mặt, anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10/9/2017 cùng các các lời khai tại Toà án trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị: Trần Thị Minh H trình bày:

-Về tình cảm: Chị và anh Lê Văn H (tức Lê Văn D) kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, Huyện L, Tỉnh Hà Nam.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà chồng ở xã N, Huyện L, Tỉnh Hà Nam. Năm 2004 vợ chồng lên Hà Nội đi thuê nhà ở, đến năm 2009 thì mua nhà tại: Số 9 ven hồ N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội, và vợ chồng chị chuyển đến ở cho đến nay

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ngoại tình và chơi cờ bạc, chị H đã nhiều lần khuyên giải để anh thay đổi nhưng không có kết quả, thậm chí anh còn chửi bới và bạo hành chị, có lần công an phường P phải vào giải quyết. Do mâu thuẫn vợ chồng nặng nề nên chị và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay. Khi sống ly thân vợ chồng vẫn chung sống một nhà, nhưng việc ai người ấy làm. Gia đình nội, ngoại hai bên cũng đã khuyên giải vợ chồng chị nhiều lần nhưng không được, và cả 2 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, nên đã thống nhất làm đơn thuận tình ly hôn gửi Tòa án quận B. Trong quá trình giải quyết anh H nhiều lần không đến Tòa làm việc và chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là: Lê Quỳnh A , sinh ngày 27/8/1996 và cháu Lê Hữu T, sinh ngày 20/7/2002. Hiện các cháu đang ở cùng vợ chồng chị.

Cháu lớn đang là sinh viên năm thứ 4 của Trường học viện thanh thiếu niên nên dù cháu đã trưởng thành nhưng chưa có khả năng tự lao động nuôi mình, còn cháu thứ 2 còn nhỏ và cả 2 cháu muốn ở với chị, nên chị và anh H đã thỏa thuận , chị H nuôi các con chung và anh H không phải đóng góp tiền nuôi các con chung .

Về tài sản và nhà ở chung : Chị H và anh H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản thể hiện bằng biên bản họp gia đình ngày 15/9/2017, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Khoản nợ vợ chồng chị ghi trong đơn xin thuận tình ly hôn, chủ yếu là do chị H vay nợ tiền hàng của bạn hàng để kinh doanh vì hiện chị H đang kinh doanh bán giấy dép tại kiốt 368 A1 Chợ Đ, do vậy vợ chồng chị đã tự thỏa

thuận chị H sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm đối với khoản nợ này theo biên bản họp gia đình ngày 15/9/2017, nên chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là anh Lê Văn H (tức Lê Văn D) trình bày:

- Về tình cảm: Anh và Trần Thị Minh H chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, nay anh H thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có nên anh nhất trí xin thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Lê Quỳnh A , sinh ngày 27/8/1996 và cháu Lê Hữu T, sinh ngày 20/7/2002.

Khi ly hôn anh và chị H thỏa thuận: chị H nuôi các con chung và anh H không phải đóng góp tiền nuôi các con chung .

- Về tài sản và nhà ở chung và khoản nợ : Chị H và anh H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản thể hiện bằng biên bản họp gia đình ngày 15/9/2017, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay do công việc nên anh H không thể có mặt tại Tòa án vào các buổi làm việc như Tòa yêu cầu. Vì vậy, anh H đề nghị Tòa án xem xét cho anh được vắng mặt các buổi làm việc và phiên Tòa, anh vẫn giữ nguyên quan điểm và ý kiến như đã trình bày ở trên.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Minh H vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để chị còn ổn định cuộc sống.

Anh Lê Văn H (tức Lê Văn D) đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên Tòa, tuy nhiên anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại văn bản gửi Tòa án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh theo luật định

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng :

-Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng;
- Chuyển thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng đến Viện kiểm sát, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại các điều 170, 171, 172, 173, 175, 191, 195, 196, 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo đúng quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Việc chuyển hồ sơ vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử đến Viện kiểm sát, Tòa án chấp hành đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng Điều 51, 237 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Bị đơn vắng mặt và đã có văn bản trình bày. Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Văn H (tức Lê Văn D) là đúng theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227, điều 228 Bộ luật Tố Tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; Điều 63; khoản 4 Điều 70; khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Áp dụng Điều 15, khoản 1 Điều 20 Luật phí và lệ phí năm 2015 và khoản 8 Điều 26, Điều 27 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Minh H.

Chị Trần Thị Minh H được ly hôn anh Lê Văn H (tức Lê Văn D)

*** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Về con chung: Cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 27/8/1996 đã trưởng thành nên không xem xét.

Giao cháu cháu Lê Hữu T, sinh ngày 20/7/2002 cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

- Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí LHST: Chị Trần Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.
- Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Tòa án thụ lý đơn xin thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Minh H và anh Lê Văn H (tức Lê Văn D) là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm h khoản 2 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự đến Tòa làm việc nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Minh H Tòa án đã chuyển việc xin thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Minh H và anh Lê Văn H (tức Lê Văn D) thành vụ án xin ly hôn theo quy định tại khoản 5 điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Anh Lê Văn H (tức Lê Văn D) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy báo đến đến tham gia phiên Tòa hôm nay, tuy nhiên anh Lê Văn H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn H theo luật định .

II. Về nội dung: Chị Trần Thị Minh H và anh Lê Văn H (tức Lê Văn D) kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, Huyện L, Tỉnh Hà Nam vào ngày 25/10/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh H về chung sống cùng gia đình nhà chồng ở xã N, Huyện L, Tỉnh Hà Nam. Năm 2004 vợ chồng lên Hà Nội đi thuê nhà ở, đến năm 2009 thì mua nhà tại địa chỉ: Số 9 ven hồ N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội, và vợ chồng chị chuyển về ở cho đến nay

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ngoại tình và chơi cờ bạc, chị H đã nhiều lần khuyên giải để anh thay đổi nhưng không có kết quả, thậm chí anh H còn chửi bới và

bạo hành chị, có lần công an phường P phải vào giải quyết. Do mâu thuẫn vợ chồng nặng nề, nên chị và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay. Khi sống ly thân vợ chồng vẫn chung sống một nhà, nhưng việc ai người ấy làm. Gia đình nội, ngoại hai bên đều biết mâu thuẫn của vợ chồng chị và đã khuyên giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng không được, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, nên nhất trí làm đơn thuận tình ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh H đã trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Minh H đối với anh Lê Văn H. Do anh H có quan điểm xin thuận tình ly hôn đề nghị tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Minh H và anh Lê Văn H.

-Về con chung: Chị Trần Thị Minh H và anh Lê Văn H có 02 con chung là Lê Quỳnh A, sinh ngày 27/8/1996 và cháu Lê Hữu T, sinh ngày 20/7/2002.

Xét thấy: Cháu Lê Quỳnh Anh, sinh ngày 27/8/1996 đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Lê Hữu T đã đủ tuổi hỏi ý kiến và cháu có nguyện vọng ở với chị H, mặt khác khi ly hôn anh H và chị H đều nhất trí thỏa thuận giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp tiền nuôi con chung vì hiện tại công việc và thu nhập của anh không ổn định. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là đảm bảo về quyền lợi cho cháu T, và sự thỏa thuận của chị H, anh H là không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên được chấp nhận. Do anh H hiện tại không có công việc ổn định, không có thu nhập, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh H có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung không ai được ngăn cản.

-Về tài sản và nhà ở chung và khoản nợ: Hai bên xin tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí LHST: Chị Trần Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Thị Minh H và anh Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận B đối với việc giải quyết vụ án cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Điều 27 khoản 5a Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Minh H

Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Minh H và anh Lê Văn H (tức Lê Văn D)

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về con chung: Chị Trần Thị Minh H và anh Lê Văn H (Lê Văn D) có 02 con chung là Lê Quỳnh A, sinh ngày 27/8/1996 và cháu Lê Hữu T, sinh ngày 20/7/2002.

- Cháu Lê Quỳnh A đã trưởng thành, nên không xem xét

- Giao cháu Lê Hữu T cho chị Trần Thị Minh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Văn H cho đến khi chị Trần Thị Minh H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Lê Văn H (Lê Văn D) có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2. Về tài sản, nhà ở chung và khoản nợ: Hai bên xin tự thỏa thuận , không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí LHST: Chị Trần Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đ- ọc trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007687 ngày 03/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Áp dụng xử công khai sơ thẩm có mặt chị Trần Thị Minh H, vắng mặt Anh Lê Văn H (Lê Văn D). Chị Trần Thị Minh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn H (Lê Văn D) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm Sát nhân dân quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- UBND xã N, huyện L,
tỉnh Hà Nam
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang